

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST

Ngày 22/01/2018

V/v: Tranh chấp về HNGĐ giữa anh
Diễn và chị Ngân.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Quang, bà Lê Thị Hồng Vinh.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lua, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Phong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên tòa: Ông Lê Huy Lê, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2017/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Quang D, sinh năm 1983.

Trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh B (có mặt).

Bị đơn: Chị Đặng Thị Ng, sinh năm 1986.

Trú tại: Thôn Q, xã V, huyện Y, tỉnh B (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Đặng Đình Tr, sinh năm 1953.

Trú tại: Thôn Q, xã V, huyện Y, tỉnh B (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/8/2017 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là anh Trần Quang D trình bày: Anh kết hôn với chị Đặng Thị Ng ngày 08/01/2007 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Cưới xong vợ chồng ở riêng tại đất của bố mẹ vợ cho mượn tại Khu vật tư nông nghiệp thị trấn Ch, huyện Y.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được 1 đến 2 năm thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Ng hỗn láo với chồng và gia đình nhà chồng, anh có khuyên bảo nhưng chị Ng không nghe, anh đã nhiều lần gửi chị Ng về nhà để dạy bảo. Sau đó chị Ng có về xin lỗi nên anh đã đồng ý.

Tháng 3/2014 vợ chồng chuyển về sống tại thôn Đ, xã T, huyện Y. Vợ chồng lại tiếp tục nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, chị Ng không chịu tu sửa tính nết mà ngày càng quá quắt, không chịu làm ăn, không chăm sóc con cái, hỗn láo, không coi gia đình nhà chồng ra gì, anh đã gửi trả chị về

nhà đẻ ở từ tháng 6/2016, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Anh thấy không thể tiếp tục chung sống với chị Ng được vì không còn tình cảm, anh đề nghị được ly hôn với chị Ng.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Trần Thị Phương A, sinh ngày 12/11/2008, Trần Thị Minh Á, sinh ngày 09/8/2010 và Trần Quang Kh, sinh ngày 07/3/2014. Hiện cả 3 con đang sống với anh. Khi ly hôn anh xin nuôi cả 3 con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh có nghề mộc tại nhà, thu nhập khoảng 9 triệu đến 10 triệu đồng/tháng, do vậy có đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn là chị Đặng Thị Ng trình bày: Chị xác nhận một phần lời khai của anh D về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng ở riêng tại đất của bố mẹ chị ở Khu vật tư nông nghiệp thị trấn Ch, huyện Y 8 năm không có mâu thuẫn gì.

Năm 2014 anh D bảo về quê ở xã T sinh sống cho gần anh em, vợ chồng chỉ hòa thuận được nửa năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế khó khăn, anh D vay nợ nhiều để làm mộc nhưng làm ăn không biết tính toán, bị thua lỗ, do vậy vợ chồng nảy sinh cãi nhau. Ngoài ra anh chị chồng hay sang nhà chàm chọc, nói xấu chị, anh D nghe anh chị nên vợ chồng lại cãi nhau. Anh D bảo chị láo nên đuổi chị về nhà đẻ, chị đã về nhà đẻ ở từ ngày 12/5/2016 âm lịch, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Từ khi ly thân anh D không gọi chị về làm ăn, thỉnh thoảng chị vào thăm con thì anh D đuổi.

Nay anh D xin ly hôn, chị xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chị không đồng ý ly hôn vì thương con. Nếu anh D kiên quyết xin ly hôn chị cũng không đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như anh D trình bày. Hiện nay anh D đang nuôi cả 3 con. Nếu phải ly hôn, chị xin nuôi cháu Kh, để cho anh D nuôi cháu Phương A và cháu Minh Á, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị bán tạp hóa, thu nhập khoảng 3.000.000đ/tháng, do vậy có đủ điều kiện nuôi con.

- Về tài sản chung: Có 01 chiếc xe mô tô Airblade mua năm 2014, đăng ký tên anh D và 01 tivi tinh thể lỏng 42in hiệu LG. Hiện anh D đang sử dụng. Ngoài ra không còn gì. Nay ly hôn về tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Đình Tr trình bày:

Năm 2010 ông đứng thế chấp quyền sử dụng đất thửa số 08, tờ bản đồ quy hoạch, diện tích 90m² tại Khu vật tư nông nghiệp thị trấn Ch, huyện Y tại Ngân hàng TMCP An Bình, chi nhánh B, phòng giao dịch Y để anh D vay 300.000.000đ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ ông. Năm 2011 vợ ông chết, năm 2013 ông chuyển quyền sử dụng đất sang tên ông.

Vì anh D không trả được nợ cho Ngân hàng. Tháng 6 và tháng 7/2012 ông đã trả cho Ngân hàng An Bình cả gốc và lãi là 308.000.000đ. Từ đó đến nay anh D, chị Ngân chưa trả cho ông đồng nào.

Nay ông yêu cầu anh D phải có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 300.000.000đ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy mâu thuẫn giữa anh D, chị Ng đã trầm trọng, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho anh D được ly hôn chị Ng.

- Về con chung: Đề nghị giao cho anh D nuôi 02 con con chung là Trần Thị Minh Á và Trần Quang Kh. Giao cho chị Ng nuôi con Trần Thị Phương A, không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về công nợ: Đề nghị HĐXX buộc anh D, chị Ng mỗi người phải trả cho ông Tr số tiền 150.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Anh Trần Quang D kết hôn với chị Đặng Thị Ng ngày 08/01/2007, đã tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phía anh D cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm, chị Ng lười biếng, không chịu làm ăn, không biết chăm con, hỗn láo với chồng và gia đình nhà chồng, anh đã gửi trả chị về nhà đẻ ở từ tháng 6/2016, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Anh thấy không thể tiếp tục chung sống với chị Ng được vì không còn tình cảm, anh vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị Ng.

Phía chị Ng cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ vì anh D nghe lời anh chị chồng nên vợ chồng nảy sinh cãi nhau, anh D đuổi chị về nhà đẻ ở từ ngày 12/5/2016 âm lịch, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Anh D xin ly hôn, chị không đồng ý.

Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa anh D, chị Ng xảy ra từ năm 2014 mà không giải quyết được. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2016 đến nay. Phía chị Ng không đồng ý ly hôn, nhưng chị cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy chấp nhận đơn xin ly hôn của anh D, xử cho anh D được ly hôn với chị Ng.

Về con chung: Anh chị có 3 con chung là Trần Thị Phương A, sinh ngày 12/11/2008, Trần Thị Minh Á, sinh ngày 09/8/2010 và Trần Quang Kh, sinh ngày 07/3/2014. Hiện cả 3 con đang sống với anh D. Tại phiên tòa hôm nay anh D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin nuôi cả 3 con. Chị Ng lại có nguyện vọng xin nuôi cháu Kh, để cho anh D nuôi cháu Phương A và cháu Minh Á. Tuy nhiên cháu Phương A lại có nguyện vọng muốn được ở với mẹ, nghĩ cần giao cho chị Ng nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Trần Thị Phương A. Giao cho anh D nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Trần Thị Minh Á và Trần Quang Kh. Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng, do vậy không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

Về công nợ: Tại phiên tòa hôm nay ông Đặng Đình Tr yêu cầu anh D phải có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 300.000.000đ.

Anh D thừa nhận có vay số tiền 300.000.000đ, anh cho rằng ông Tr đã cầm số tiền 100.000.000đ, anh có cho anh H thuê ở H (không rõ địa chỉ cụ thể) vay 50.000.000đ, sau đó ông Tr đã đòi anh H số tiền này. Như vậy anh chỉ được sử dụng số tiền 150.000.000đ, nhưng ông Tr không thừa nhận,

Xét thấy việc anh D có vay của ông Tr số tiền 300.000.000đ để làm mộc phát triển kinh tế gia đình và nuôi con, do vậy cần xác định đây là nợ chung của vợ chồng. Việc anh D trình bày anh chỉ được sử dụng số tiền 150.000.000đ, tuy nhiên anh D cũng không đưa ra được căn cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp, do vậy không có căn cứ chấp nhận. Do vậy cần xác định vợ chồng có nợ ông Tr số tiền 300.000.000đ, khi ly hôn mỗi người phải có nghĩa vụ trả ông Tr một nửa số nợ là 150.000.000đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh D trình bày có nợ một số người, cụ thể: Nợ Ngân hàng Chính sách xã hội: 12.000.000đ; nợ bà Trần Thị T số tiền 90.000.000đ; nợ chị Nguyễn Thị H số tiền 25.000.000đ. Những người này không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

Ngoài ra anh anh D trình bày có nợ bà Lê Thị Th số tiền 50.000.000đ; nợ bà Trần Thị B số tiền 30.000.000đ; nợ bà Lê Thị T số tiền 30.000.000đ; nợ mẹ đẻ anh là Đỗ Thị L số tiền 40.000.000đ. Tòa án đã yêu cầu những người trên nộp tiền tạm ứng án phí, tuy nhiên hết thời hạn thông báo các đương sự không nộp. Nay những người trên không yêu cầu Tòa án giải quyết về khoản nợ, do vậy không xem xét.

Về án phí: Anh D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ điều 235, 264, 266, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quang D được ly hôn với chị Đặng Thị Ng.

2. Về con chung: Giao cho chị Ng được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Trần Thị Phương A, sinh ngày 12/11/2008, Giao cho anh D được nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung là Trần Thị Minh Á, sinh ngày 09/8/2010 và Trần Quang Kh, sinh ngày 07/3/2014. Việc cấp dưỡng nuôi con không có yêu cầu. Các bên có quyền đi lại thăm nom con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về công nợ: Buộc anh D, chị Ng phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Đặng Đình Tr số tiền 300.000.000đ, mỗi người phải trả 150.000.000đ.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước quy định đối với số tiền chưa thi hành án theo quy định tại điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30, Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Anh Trần Quang D phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm (được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 03533, ngày 27/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Phong).

Anh D, chị Ng mỗi người phải chịu 7.500.000đ án phí trả nợ. Hoàn trả cho ông Đặng Đình Tr 7.500.000đ tiền tạm ứng án phí (đã nộp tại biên lai số 03618, ngày 30/11/2017 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Phong).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND h. Yên Phong.
- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- THADS h. Yên Phong.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu.

Trần Ngọc Anh

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Quang Lê Thị Hồng Vinh

Trần Ngọc Anh

